

RÈN LUYỆN CÁC THAO TÁC TƯ DUY KHÔNG GIAN TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Tú Linh - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ngày nhận bài: 01/10/2019; ngày chỉnh sửa: 22/10/2019; ngày duyệt đăng: 27/10/2019.

Abstract: Compiled from the researches on spatial thinking skills, combined with an analysis of Vietnam's Geography grade 12 curriculum, we identify the need to influence spatial thinking manipulations such as analyzing and synthesizing characteristics of spatial objects; establishing spatial relationships; comparing spatial objects and inferring following the space to develop spatial thinking in teaching Geography grade 12 in high school. The article also presents out the steps, requirements and examples of each skill.

Keywords: Spatial thinking skills, teaching Geography grade 12, develop spatial thinking.

1. Mở đầu

Tư duy không gian trong dạy học Địa lí là quá trình nhận thức; trong đó, học sinh (HS) thực hiện các thao tác tư duy dựa trên việc tiếp nhận và xử lí thông tin, sử dụng các phương tiện trực quan để phản ánh đặc trưng, các mối quan hệ và giải quyết các vấn đề của đối tượng không gian. Để phát triển tư duy không gian cho HS, giáo viên (GV) cần tác động vào các thao tác tư duy không gian bằng cách cho HS thực hành theo từng bước [1]. Do đó, việc xác định các thao tác tư duy không gian có ảnh hưởng quyết định đến việc phát triển tư duy không gian cho HS.

Địa lí 12 có nội dung là những kiến thức nền tảng, cơ bản về tự nhiên, KT-XH Việt Nam, các vấn đề đang đặt ra của đất nước, của các vùng [2]. Trên cơ sở kiến thức và các kĩ năng tư duy ban đầu của HS, GV có thể tổ chức các hoạt động học tập để phát triển tư duy không gian cho HS. Địa lí 12 có các dạng bài thực hành khai thác bản đồ, Atlas giúp HS phát triển thao tác tư duy không gian. Thông qua bản đồ, HS nhận thức gián tiếp các đối tượng địa lí như: phân tích các hiện tượng diễn ra trên phạm vi không gian rộng lớn, thiết lập các mối quan hệ giữa các hiện tượng, quá trình, tổng hợp thành các quy luật phân bố của đối tượng địa lí [3].

Bài viết phân tích cụ thể các thao tác tư duy không gian theo từng bước tiến hành của HS trên cơ sở tổng hợp các cách tiếp cận để xác định thao tác tư duy không gian của các nhà nghiên cứu trên thế giới và phân tích chương trình môn Địa lí ở Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở xác định thao tác tư duy không gian trong dạy học Địa lí 12 ở trường trung học phổ thông

Tư duy không gian là quá trình nhận thức gồm nhiều thao tác nối tiếp và đan xen nhau; trong đó, HS tiếp nhận và xử lí các thông tin địa lí nhằm giải quyết nhiệm vụ đặt

ra. Do đó, con đường để phát triển tư duy không gian cho HS là phải tác động vào các thao tác tư duy không gian.

Có nhiều cách tiếp cận để xác định thao tác tư duy không gian. Tuy nhiên, để phù hợp với dạy học Địa lí, chúng tôi tổng hợp các cách tiếp cận sau:

- Các thao tác tư duy không gian dựa trên với việc sử dụng bản đồ và hệ thống thông tin địa lí (Geographic Information System - GIS). Nghiên cứu của Bednarz S đã xác định 13 thao tác tư duy không gian gắn liền 16 quá trình sử dụng bản đồ nhận thức và GIS: Xác định sự phân bố, mô hình, hình dạng không gian, trình bày bản đồ, kết nối vị trí, sắp xếp các đối tượng tương tự, phân cấp không gian, phân vùng, xác định vùng liên kê, định hướng không gian, tương tượng bản đồ, phác thảo bản đồ, so sánh bản đồ, chồng xếp và kết hợp bản đồ [4]. Cách tiếp cận này nhấn mạnh việc thực hành xác định các đối tượng và quan hệ không gian.

- Các thao tác tư duy không gian theo các yếu tố của tư duy không gian. Ủy ban Địa lí Hoa Kỳ thuộc Hội đồng nghiên cứu quốc gia định nghĩa: “*tư duy không gian là một tập hợp các kĩ năng nhận thức dựa trên ba yếu tố: khái niệm về không gian, các công cụ đặc trưng và các quá trình suy luận*” [1]. Từ quan điểm đó, các tác giả đưa ra 3 nhóm thao tác phù hợp với cấu trúc của tư duy không gian: mô tả cấu trúc không gian, biến đổi không gian và suy luận. Cách tiếp cận này có sự thống nhất cao giữa vận dụng kiến thức và sử dụng các công cụ địa lí học.

- Các thao tác tư duy không gian kết hợp giữa GIS và kiến thức địa lí: Nghiên cứu của Jarvis C. đã cụ thể hóa các nhóm thao tác tư duy không gian có sự kết hợp giữa GIS và kiến thức địa lí: Trình bày thuộc tính của các đối tượng, so sánh quan hệ giữa các đối tượng, xác định sự thay đổi của các đối tượng và suy luận không gian [5]. Cách tiếp cận này quan tâm đến việc HS suy nghĩ và thực hiện các thao tác tư duy trong không gian và ứng dụng GIS ở mức độ phù hợp.

Tư duy không gian trong dạy học Địa lí diễn ra trên các đối tượng và hiện tượng địa lí, do đó cần có cơ sở nội dung để tiến hành các thao tác tư duy không gian. Địa lí 12 có cấu trúc rõ ràng, logic, từ địa lí tự nhiên, địa lí dân cư - xã hội, đến địa lí các ngành, các vùng kinh tế và địa lí địa phương. Các nội dung đi từ khái quát đến cụ thể giúp HS có cái nhìn tổng hợp và dễ dàng phân tích các mối quan hệ. Địa lí 12 có nhiều nội dung gắn gũi với tập Atlas Địa lí Việt Nam và HS có thể học theo Atlas; từ đó, HS thực hành các thao tác tư duy không gian: phân tích các hiện tượng diễn ra trên phạm vi không gian rộng lớn, thiết lập các mối quan hệ giữa các hiện tượng, quá trình, tổng hợp thành các quy luật phân bố của đối tượng địa lí.

Trên các cơ sở đó, chúng tôi xác định 4 thao tác tư duy không gian có thể phát triển được thông qua dạy học Địa lí là: phân tích và tổng hợp đặc trưng của đối tượng không gian, so sánh theo không gian, thiết lập mối quan hệ không gian và suy luận theo không gian.

2.2. Các thao tác tư duy không gian trong dạy học Địa lí 12 ở trường trung học phổ thông

2.2.1. Thao tác phân tích và tổng hợp đặc trưng của đối tượng không gian

- *Yêu cầu cần đạt:* Khi phân tích, HS phải đặt đối tượng trong mối quan hệ với các đối tượng khác, trong mối quan hệ của lãnh thổ; đồng thời, phải phân tích theo một hướng nhất định để làm nổi bật đặc trưng của vấn đề, tránh sa đà, lan man. HS không chỉ đề cập đến đầy đủ các yếu tố mà còn phải nhấn mạnh yếu tố chính, tạo nên bản sắc của đối tượng đó, giúp phân biệt đối tượng này với đối tượng khác [6]. Sau khi phân tích, HS phải tổng hợp thành bức tranh đầy đủ và chính xác về đặc trưng của đối tượng không gian, xây dựng được mô hình tâm trí về đối tượng không gian.

- *Các bước phân tích và tổng hợp đặc trưng của đối tượng không gian*

+ *Bước 1:* Xác định đối tượng cần phân tích: Xác định quy mô, đối tượng.

+ *Bước 2:* Cấu trúc nội dung và tìm kiếm dữ liệu: Xác định cấu trúc nội dung của các đối tượng và tìm kiếm, chọn lọc dữ liệu.

+ *Bước 3:* Chọn công cụ và phương pháp để phân tích: sử dụng sơ đồ, hình vẽ để trình bày, sắp xếp thông tin, xây dựng biểu đồ để nhìn thấy quy mô, sự biến động, cơ cấu, sự phân hóa, ...; phân tích bản đồ, Atlas để thấy sự phân bố của đối tượng hoặc khái quát thành mô hình đặc trưng của lãnh thổ.

+ *Bước 4:* Tổng hợp thành đặc trưng của đối tượng không gian:

- *Ví dụ:* Phân tích đặc điểm cảnh quan miền Bắc và Đông bắc Bắc bộ

+ *Bước 1:* HS xác định lãnh thổ cần phân tích là miền Bắc và Đông bắc Bắc bộ. Nội dung là phân tích đặc điểm cảnh quan.

+ *Bước 2:* HS xác định cấu trúc nội dung và tìm kiếm dữ liệu. Cảnh quan của một lãnh thổ được xác định bởi yếu tố nền bền vững của địa chất, địa hình và yếu tố bề mặt dễ thay đổi của sinh vật, khí hậu, cụ thể đó là: tổng hợp của các thành phần tự nhiên: địa hình, sông ngòi, khí hậu, thổ nhưỡng, sinh vật.

+ *Bước 3:* HS tìm thông tin trong Atlas, bản đồ, lược đồ trong sách giáo khoa, tranh ảnh để làm rõ từng thành phần tự nhiên:

Vị trí, ranh giới: nằm ở tả ngạn sông Hồng và rìa tây nam Đồng bằng Bắc bộ.

Địa hình: đa số là đồi núi thấp, độ cao trung bình 600m. Hướng nghiêng của địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. Hướng núi chủ yếu là vòng cung.

Khí hậu: nền nhiệt thấp nhất cả nước, hoạt động của gió mùa mùa đông mạnh nhất và phân hóa theo mùa rất rõ rệt. Hiện tượng sương muối, băng giá phổ biến.

Sông ngòi: mạng lưới sông tỏa rộng khắp miền, hướng tây bắc - đông nam và vòng cung. Sông nhiều nước, khả năng xâm thực và vận chuyển phù sa lớn, có thủy chế theo mùa rất rõ rệt.

Thổ nhưỡng - sinh vật: mang tính chất cận nhiệt đới khá rõ nét. Các loài sinh vật ưa lạnh phổ biến: hồi, tam thất, chè, ...

+ *Bước 4:* Tổng hợp: Cảnh quan đặc trưng của miền Bắc và Đông bắc Bắc bộ là nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.

2.2.2. Thao tác so sánh các đối tượng không gian

- *Yêu cầu cần đạt:* HS lựa chọn được đối tượng, vấn đề để so sánh, tìm được các tiêu chí so sánh và trình bày theo các tiêu chí đó, tổng quát hóa và kết luận về đối tượng so sánh. HS phải so sánh một cách toàn diện, phải nhìn nhận các đối tượng so sánh trong sự tổng hợp, trong quá trình phát triển, tránh phiến diện, khép khiêng. Có thể vận dụng để so sánh dạng liên hệ thực tế.

- *Các bước so sánh các đối tượng không gian:*

+ *Bước 1:* Xác định mục đích và đối tượng so sánh: tìm ra đặc trưng của đối tượng, sự phân hóa của lãnh thổ, mối quan hệ giữa các đối tượng.

+ *Bước 2:* Xác định tiêu chí so sánh: phân tích vấn đề được so sánh để tìm ra tiêu chí. Sau đó đối chiếu các đối tượng theo các tiêu chí đã xác lập.

+ *Bước 3:* Phân tích điểm giống và khác nhau: Phân tích những điểm tương đồng, khác biệt giữa các đối tượng.

+ Bước 4: Kết luận: Dựa vào mục đích so sánh ban đầu để đưa ra kết luận.

- *Vi dụ:* Sử dụng tổng hợp các nguồn tài liệu: bản đồ, số liệu thống kê để so sánh sự phát triển ngành thủy sản ở Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ:

+*Bước 1:* Xác định mục đích so sánh: HS phải tìm ra điểm giống và khác nhau trong điều kiện và thực trạng phát triển ngành thủy sản ở hai vùng. Đối tượng so sánh là hiện trạng phát triển ngành thủy sản của hai vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ.

+*Bước 2:* HS liệt kê điều kiện, thực trạng phát triển ngành thủy sản và chọn ra các tiêu chí so sánh. Đó là thể mạnh về tự nhiên, KT-XH, hiện trạng về khai thác, nuôi trồng, chế biến và phân bố của ngành thủy sản.

+ *Bước 3:* HS lập bảng so sánh sự phát triển ngành thủy sản của hai vùng.

Tiêu chí	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam Trung bộ
Nguồn lợi thủy sản	Có các bãi cá, tôm nhỏ	Các bãi cá, tôm lớn, ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa
Cơ sở vật chất	Tàu thuyền có công suất nhỏ	Tàu thuyền có công suất lớn
Khai thác	Sản lượng tăng liên tục: 328 nghìn tấn (2014)	Sản lượng lớn, tăng nhanh: 845 nghìn tấn (2014), nhiều loại quý
Nuôi trồng	Nuôi cá nước mặn, nước lợ (84 nghìn tấn - 2014)	Nuôi tôm (56,4 nghìn tấn - 2014), cá, rong biển,...
Chế biến	Chủ yếu các sản phẩm truyền thống	Sản phẩm đa dạng, có thương hiệu
Phân bố	Nghệ An là tỉnh trọng điểm	Cực Nam Trung bộ, Bình Thuận (khai thác), Khánh Hòa (nuôi trồng)

+ *Bước 4: Kết luận*

Hai vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ đều có bờ biển dài, có thể phát triển thủy sản ở tất cả các tỉnh nhưng vùng Duyên hải Nam Trung bộ có nhiều thuận lợi hơn. Hai vùng đều đang phát triển các hoạt động đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản nhưng vùng Duyên hải Nam Trung bộ phát triển mạnh hơn. Nguồn lợi thủy sản và điều kiện nuôi trồng ảnh hưởng rất lớn đến cơ cấu sản phẩm của cả hai vùng.

2.2.3. Thao tác thiết lập mối quan hệ không gian

- *Yêu cầu cần đạt:* HS phải phân tích được đầy đủ các yếu tố và nêu được yếu tố nào đóng vai trò chủ chốt trong mối quan hệ đó. Khái quát hóa và hình thành được mô hình tâm trí: mô hình theo tuyến, theo cấu trúc hoặc theo mạng lưới. Vận dụng được mối quan hệ không gian để giải quyết các vấn đề của lãnh thổ: giải thích các hiện tượng, tự đặt ra các vấn đề mới, các giả thuyết [5].

- *Các bước thiết lập mối quan hệ không gian*

+ Bước 1: Nhận định vấn đề: vị trí, phân bố, sự kết nối, tương tác của đối tượng, sự phân cấp trong không gian.

+ Bước 2: Xác định các yếu tố có liên quan: vị trí địa lí, các yếu tố tự nhiên, các yếu tố văn hóa, lịch sử, xã hội, các hoạt động kinh tế.

+ Bước 3: Xác định mối quan hệ giữa các yếu tố: Xác định mối quan hệ trên bản đồ: diễn giải bản đồ (đối chiếu kiến thức đã có vào bản đồ), chồng xếp, kết hợp, so sánh các bản đồ. Xác định mối quan hệ dựa trên phương tiện trực quan khác: mô hình, sơ đồ, hình ảnh,...

+ Bước 4: Trình bày các mối quan hệ không gian: Lựa chọn hình thức: bài viết, sơ đồ, lược đồ, hình vẽ, mô hình.

- *Vi dụ:* Sử dụng bản đồ để nhận xét và giải thích mối quan hệ kinh tế giữa vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du miền núi Bắc bộ.

+*Bước 1:* HS xác định vấn đề cần thiết lập mối quan hệ không gian là sự tương tác, liên kết giữa hai vùng kinh tế. Mối quan hệ được xác lập dựa trên việc so sánh các

bản đồ. Phạm vi lãnh thổ là vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du miền núi Bắc bộ.

+*Bước 2:* HS xác định các yếu tố có thể liên quan đến mối quan hệ kinh tế này. Đó là vị trí tiếp giáp nhau, các thể mạnh và hoạt động kinh tế có thể hỗ trợ cho nhau.

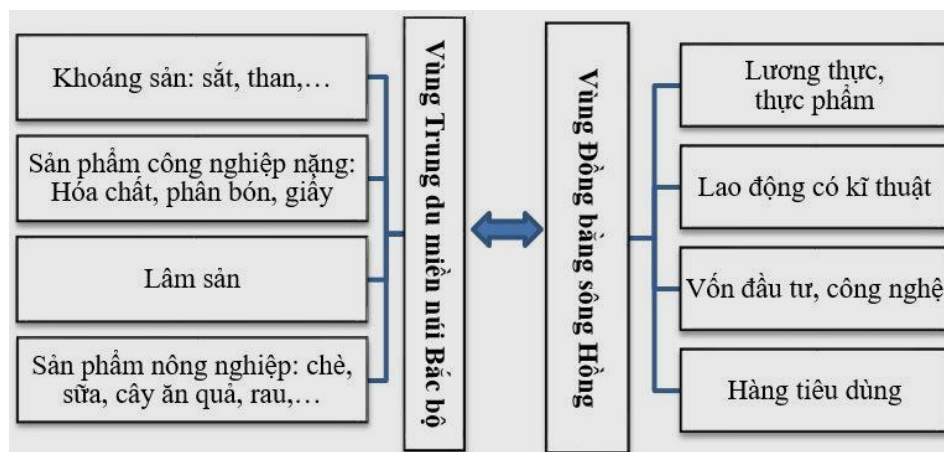
+*Bước 3:* HS sử dụng lược đồ Kinh tế Vùng Trung du miền núi Bắc bộ và Đồng bằng sông Hồng, Atlas Địa lí Việt Nam (trang 26) để tìm ra mối quan hệ kinh tế giữa hai vùng này.

Hai vùng có vị trí tiếp giáp nhau, có thể mạnh khác nhau, phát triển các ngành kinh tế khác nhau nên có thể hỗ trợ và ràng buộc lẫn nhau. Hai vùng này vừa là vùng tiêu thụ vừa là vùng nguyên liệu của nhau.

+*Bước 4:* HS sử dụng sơ đồ để thiết lập mối quan hệ kinh tế giữa vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du miền núi Bắc bộ (xem sơ đồ trang bên).

2.2.4. Thao tác suy luận theo không gian.

- *Yêu cầu cần đạt:* HS đưa ra được các lí lẽ, dẫn chứng xác đáng để *giải thích, đánh giá* một vấn đề hoặc một đối tượng và *dự đoán* khả năng có thể xảy ra trong



Sơ đồ mối quan hệ kinh tế giữa vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du miền núi Bắc bộ

tương lai. HS cần gắn sự vật, hiện tượng với lãnh thổ hình thành nên chúng và trong mối liên hệ với các nhân tố ảnh hưởng đến chúng để tránh suy luận sai lầm và không đúng với bản chất Địa lí [7].

- Các bước suy luận theo không gian

+ Bước 1: Xác định yêu cầu của việc suy luận: Xác định nội dung suy luận và dạng yêu cầu suy luận: giải thích, đánh giá, dự đoán.

+ Bước 2: Giải nghĩa các khái niệm, vấn đề trong nhận định ban đầu: Phân tích các vấn đề hoặc diễn giải các khái niệm để suy luận.

+ Bước 3: Tìm kiếm và tổ chức thông tin: Huy động kiến thức, kinh nghiệm đã có, trực quan hóa thông tin để nhìn ra các mối quan hệ và tiến hành các lập luận.

+ Bước 4: Tiến hành các lập luận: Vận dụng các mối quan hệ không gian, đặt sự vật, hiện tượng trong sự biến đổi và trong lãnh thổ của chúng.

+ Bước 5: Đưa ra kết luận.

- Ví dụ: Giải thích tại sao công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành trọng điểm của nước ta?

+Bước 1: HS xác định nội dung và dạng yêu cầu suy luận: giải thích vấn đề cụ thể của ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm của nước ta.

+Bước 2: Giải nghĩa khái niệm ngành công nghiệp trọng điểm và vấn đề công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm. Công nghiệp trọng điểm là những ngành có thế mạnh lâu dài, mang lại hiệu quả kinh tế cao và tác động mạnh đến các ngành kinh tế khác. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm có cơ cấu ngành đa dạng nhờ nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp phong phú, thị trường lớn, đa dạng và xuất khẩu mở rộng.

+Bước 3: HS gọi nhớ lại kiến thức, hiểu biết của mình về thế mạnh, hiệu quả kinh tế và vai trò của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm. HS viết ra nháp các nội dung dưới dạng sơ đồ cấu trúc.

+Bước 4: GV hướng dẫn HS lập luận từ khái niệm công nghiệp trọng điểm. Nếu công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm đáp ứng đầy đủ 3 đặc điểm của công nghiệp trọng điểm thì HS sẽ kết luận được là ngành công nghiệp trọng điểm.

- Thế mạnh: Nguyên liệu tại chỗ dồi dào từ nông nghiệp, lao động đông, tay nghề khá, thị trường lớn, đa dạng và đang được mở rộng.

- Hiệu quả kinh tế: đóng góp trên 20% GDP (năm 2014), cơ cấu ngành phong phú: chế biến sản phẩm từ trồng trọt, từ chăn nuôi, từ thủy sản, nhiều mặt hàng xuất khẩu.

- Tác động đến các ngành kinh tế khác: thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm nhiều ngành công nghiệp: sản xuất bao bì, hóa chất thực phẩm, là đối tượng của ngành giao thông vận tải, thương mại.

+Bước 5: Kết luận: công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là ngành trọng điểm.

3. Kết luận

Các thao tác tư duy không gian nhìn chung không tách biệt mà có sự kết hợp chặt chẽ, có thể thao tác nào đó nổi trội hơn, nhưng vẫn liên quan đến các thao tác khác. Các thao tác tư duy không gian tạo thành một chuỗi hoặc đan xen. Sản phẩm của thao tác này có thể là nguyên liệu cho các thao tác khác. Nhưng trong nhiều trường hợp, các thao tác diễn ra đồng thời và hầu như không chia tách được, ví dụ: so sánh và phân tích đặc điểm của một miền tự nhiên.

Thao tác đơn giản hay phức tạp chủ yếu mang tính cá nhân. Đối với những HS có thói quen tư duy tích cực và nhiều kinh nghiệm thì thao tác suy luận khá đơn giản, nhưng với những HS chỉ thích học thuộc lòng thì lại rất khó. Do đó, việc đánh giá, củng cố cũng nên theo cá nhân để các em có thể phát triển tư duy không gian thuận lợi nhất.

(Xem tiếp trang 21)

thỏa mãn của người học đối với chương trình bồi dưỡng; khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng lĩnh hội được từ chương trình; sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực...

- Quản lý việc xây dựng các chuẩn đánh giá và phương pháp đánh giá kết quả học tập của học viên về kiến thức, kỹ năng và thái độ; đồng thời quản lý việc cấp phát giấy chứng nhận bồi dưỡng. Quản lý việc xây dựng chuẩn đánh giá và phương pháp đánh giá kết quả giảng dạy của giảng viên về soạn bài, giảng bài trên lớp, kiểm tra, đánh giá học viên (ra đề thi và chấm thi, hướng dẫn và chấm bài tiểu luận/thu hoạch,...). Quản lý việc tổ chức thu thập và xử lý thông tin theo các chuẩn để có được các kết quả chính xác về quản lý: thiết lập chương trình, giáo trình và tài liệu tham khảo, học viên và giảng viên, hình thức và điều kiện phục vụ. Chỉ đạo thực hiện đa dạng hóa các hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên: đánh giá quá trình, đánh giá kết quả, kiểm tra tự luận; trắc nghiệm khách quan; vấn đáp; bài tập cá nhân; bài tập nhóm..., trong đó chỉ rõ trọng số điểm cho từng hình thức và phương pháp kiểm tra.

3. Kết luận

Như vậy, để quản lý hoạt động bồi dưỡng LLCT tại các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, chúng ta cần nghiên cứu và làm rõ những vấn đề lý luận trong quy trình hoạt động quản lý đó là: Quản lý lập kế hoạch, quản lý nội dung, chương trình; quản lý đội ngũ giảng viên; quản lý đội ngũ học viên; quản lý các điều kiện hỗ trợ; kiểm tra, đánh giá kết quả. Quá trình thực hiện các nội dung yêu cầu năng lực của người cán bộ quản lý và các lực lượng thực hiện chức năng tham mưu là rất quan trọng. Đồng thời, việc xác định các nội dung trong từng nội dung quản lý phải có sự nghiên cứu, đánh giá toàn diện, phải luôn bám sát vào yêu cầu của cấp trên, bám sát thực tiễn và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động. Có như vậy, hoạt động quản lý mới đảm bảo tính thực tiễn khi đi vào hoạt động, đảm bảo cho việc quản lý hoạt động bồi dưỡng đạt được mục đích, yêu cầu và hiệu quả đề ra. Đồng thời, khi quản lý hoạt động bồi dưỡng cần đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung của quy trình quản lý. Việc thực hiện phải đảm bảo sự đồng bộ, có tính liên kết chặt chẽ. Nội dung quản lý này phải phục vụ đáp ứng tốt cho nội dung quản lý hoạt động khác.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập (tập 5)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập (tập 12)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

- [3] Bộ Chính trị (1999). *Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12/5/1999 về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng*.
- [4] Vũ Ngọc Am (2003). *Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên ở cơ sở*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Ban Tuyên giáo Trung ương (2010). *Quyết định số 1853-QĐ/BTGTW ngày 04/3/2010 về ban hành quy chế giảng dạy và học tập của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh*.
- [6] Trần Kiểm (2008). *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] Đặng Thị Bích Liên (2009). *Mô hình quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chính trị cấp huyện trong giai đoạn hiện nay*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Nguyễn Văn Hùng (2017). *Đổi mới xây dựng chương trình, kế hoạch bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ cho cán bộ mặt trận tổ quốc cấp cơ sở tại các trung tâm bồi dưỡng chính trị tỉnh Bắc Ninh hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 2 tháng 10, tr 109-113.

RÈN LUYỆN CÁC THAO TÁC TƯ DUY...

(Tiếp theo trang 47)

Tài liệu tham khảo

- [1] Committee on Geography National Research Council (2006). *Learning to Think Spatially: GIS as a Support System in the K-12 Curriculum*. Washington DC, <http://nap.edu/11019>.
- [2] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [3] Lâm Quang Đốc (2013). *Ngôn ngữ bản đồ - Những vấn đề cơ bản*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Bednarz W. S. (2004). *Geographic information systems: A tool to support geography and environmental education?*. GeoJournal, Vol. 60, pp. 191-199.
- [5] Jarvis C. H. (2011). *Spatial Literacy and the Postgraduate GIS Curriculum*. Procedia Social and Behavioral Sciences, Vol. 21, pp. 294-299.
- [6] David L. - J. Morgan (2010). *Teaching geography 11-18: A conceptual approach*. Open University Press.
- [7] Đặng Văn Đức (2012). *Lý luận dạy học Địa lí*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Nguyễn Văn Cường - Meier Bernd (2013). *Lý luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm.